

Bản án số: 118/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Lê Việt Hùng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 398/2018/ TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: ấp T 4, xã P, huyện H, tỉnh L

2.*Bị đơn:* Nguyễn Văn K, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T 4, xã P, huyện H, tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Vào năm 1994 qua mai mối chị và anh K tự nguyện tiến đến hôn nhân, đến năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh L, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/9/2007. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống với cha mẹ chồng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2007 cha mẹ chồng có cho ra ở riêng. Nhiều năm nay anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp nên chị đã bỏ nhà

đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay, trong thời gian đi làm chị cũng có về thăm con nhưng mỗi lần về anh chị lại cãi vã. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh năm 1997, đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Thành C, sinh ngày 03/5/2003. Cháu C hiện đang sống với anh K. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu C cho anh K nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân, nếu có chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt trong các phiên hòa giải và không có bản khai ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

-Tại phiên tòa chị T vẫn bảo lưu ý kiến yêu cầu được ly hôn với anh K. Về con chung: Chị đồng ý giao cháu C cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 12 tháng 9 năm 2007. Do đó hôn nhân của chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T và K tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống cũng hạnh phúc. Nhưng đến năm 2007 tình cảm của anh chị có những bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị T sống ly thân với anh K từ nhiều năm nay. Chị cho rằng không còn tình cảm với anh K, hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn được nữa.

Xét, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, vun vén cho hạnh phúc gia đình. Nhưng mâu thuẫn của chị T và anh K đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị T vẫn bảo lưu ý kiến là được ly hôn với anh K. Cho thấy việc chị T yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

Đối với anh K đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xem như anh K không có ý định được đoàn tụ và đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T.

[4]. Về con chung: Cháu N đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu C trong quá trình giải quyết vụ án, anh K và chị T không dẫn cháu C đến Tòa án để xem xét nguyện vọng của cháu C được chung sống với ai khi chị T và anh K ly hôn, Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của cháu C được, do anh K và cháu C thường xuyên vắng nhà. Xét thấy từ nhiều năm nay cháu C đang chung sống với anh K, chị T không có tranh chấp về việc nuôi cháu C và chị cũng đồng ý giao cháu C cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy nên công nhận sự tự nguyện này.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc chị T phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 03/5/2003 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Riêng cháu Nguyễn Thanh N đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mộng T nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001808 ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Ủy ban nhân dân xã P-LH-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng